

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST

Ngày: 02/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Siu Tơ L.

Trú tại: thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

2/Bà Đinh Thị Tuyết D.

Trú tại: thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh H, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L Tòa án nhân dân huyện Ch S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 31/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS ngày 21/6/2021 đối với bị cáo:

Đặng Văn C, sinh năm 1998, tại huyện Ch S, tỉnh G L; nơi cư trú: tổ dân phố 10, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th; vợ: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: tốt; Bị tạm giữ: Không; Bị tạm giam: Không; Bị cáo đang toại ngoại, có mặt.

-Bị hại:

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th, có mặt

Nơi cư trú: tổ dân phố 10, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị C (vắng mặt)(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố 10, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 05/02/2021, Đặng Văn C sinh năm 1998; trú Tổ dân phố 10, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Khi C đang ở nhà tại Tổ dân phố 10, thị trấn Ch S thì thấy điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th (bố mẹ đẻ của C) để ở trên bàn trong phòng bếp của gia đình nên C đã lén lút trộm cắp điện thoại di động trên, sau đó đem đến cửa hàng điện thoại Quang Luy thuộc tổ dân phố 9, thị trấn Ch S, huyện Ch S bán với giá 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động thì chiều ngày 07/02/2021 ông Đặng Văn T đã đến Công an thị trấn Ch S để trình báo. Ngày 08/02/2021, Công an thị trấn Ch S đã chuyển toàn bộ hồ sơ và vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ch S để thụ lý giải quyết theo quy định.

Ngày 08/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Ch S đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản trộm cắp trên.

Cùng ngày Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ch S đã ra Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐG, ngày 08/02/2021 kết luận: 01 (một) điện thoại di động VIVO màu xanh dương, mua và sử dụng vào năm 2020 (mua mới), tại thời điểm bị chiếm đoạt còn giá trị là **2.960.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) (BL:31).**

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 24/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L truy tố bị cáo Đặng Văn C về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn C từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về phần dân sự và vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng khác:

-Bị cáo Đặng Văn C không có ý kiến gì về bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, để có cơ hội sửa chữa, làm lại cuộc sống.

-Lời khai của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th tại phiên tòa và lời khai của bà Lê Thị C có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi sự việc xảy ra, ông T, bà Th và bà C đã nhận lại tài sản. Ông T, bà Th và bà C không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông T và bà Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Đặng Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 05/02/2021 Đặng Văn C đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương có giá trị là 2.960.000 đồng của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th. Sau khi

trộm cắp xong C đem tài sản trộm cắp đến cửa hàng điện thoại di động Quang Luy bán với giá 1.700.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân. Như vậy tổng giá trị tài sản Đặng Văn C đã chiếm đoạt vào ngày 05/02/2021 là: 2.960.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ch S số: 11/KL-HĐĐG, ngày 08/02/2021.

Do đó hành vi của bị cáo Đặng Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3]Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[4]Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả cho người bị hại, gây thiệt hại không lớn. Sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả tiền đầy đủ cho bà Lê Thị C là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Mặt khác, ông Tâm và bà Thảo cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ cần xem xét khi lượng hình cho bị cáo được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát cơ bản là có căn cứ, cần xem xét. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 05 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

[6]Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, tính chất, mức độ của tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục.

Đồng thời, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức tù tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra, nhưng không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo sớm trở thành người công dân lương thiện, nhưng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bà Lê Thị C số tiền 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông T, bà Th và bà C đã nhận lại tài sản và tiền. Hiện ông T, bà Th và bà C không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông T và bà Th bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh dương là tài sản hợp pháp của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Thu Th. Vì vậy Cơ quan CSĐT -Công an huyện Ch S trả lại ông T và bà Th là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có điều kiện kinh tế, nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự cho là phù hợp.

[11] Đối với bà Lê Thị C, khi mua điện thoại của C, bà C không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S không xử lý đối với bà Lê Thị C về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định.

[12]Về kiến nghị: Không.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Tuyên bố:

Bị cáo Đặng Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

-Áp dụng: khoản 1 Điều 173 điểm b, h, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt : Bị cáo Đặng Văn C 08 (tám) tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 02/7/2021).

Giao bị cáo Đặng Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Đặng Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Đặng Văn C) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Hội đồng xét xử miễn xét.

3/Về án phí:

-Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

4/Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/7/2021), báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND huyện Chư Sê;
- CA huyện Chư Sê;
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hiếu